TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03-5-2024
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Bà Nguyễn Xuân Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 598/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Hà Thị Bé T, sinh năm 1981; trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

* Bị đơn: Ông Đỗ Hùng C, sinh năm 1968; trú tại: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà T có đơn xin vắng mặt, ông C vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hà Thị Bé T trình bày:

Bà và ông Đỗ Hùng C chung sống vào năm 2000 đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Trước khi tiến đến hôn nhân thì cả hai cũng đã có gia đình rồi. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẩn, bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống

hàng ngày, ông C đi làm không lo cho gia đình con cái, có người phụ nữ khác bên ngoài, khi về nhà hay cãi nhau chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, bà T đã về nhà sống chung với mẹ ruột tại TP T. Hiện vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm lẫn nhau, ai cũng có cuộc sống riêng cho mình nên bà T xin ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Quốc H, sinh năm 2002 và Đỗ Thị Bé Q, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2008. Cháu H đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà T xin nuôi cháu Q, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Võ Văn T1 không đến Tòa, không có lời trình bày, vắng mặt không lý do.

Tại phiên toà:

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Hà Thị Bé T đối với ông Đỗ Hùng C.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Quốc H, sinh năm 2002 và Đỗ Thị Bé Q, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2008. Cháu H đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà T xin nuôi cháu Q, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận và giao cháu Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hà Thị Bé T có đơn xin vắng mặt ông C là bị đơn trong vụ án vắng mặt không lý do. Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án ngày 26 tháng 12 năm 2023 thì hiện tại ông C có hộ khẩu tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, hiện tại ông C vẫn còn sinh sống tại địa chỉ trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đương sự mời ông C lên Tòa làm việc nhưng ông không đến cũng như không có lời khai về vụ án, ông C thường vắng mặt tại địa phương vào giờ hành chính, Tòa án có tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T và ông C là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C chung sống với nhau vào năm 2000 đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Trước khi tiến đến hôn nhân thì cả hai đã có gia đình và có con riêng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hàng ngày, ông C đi làm không lo cho gia đình con cái, ông có người phụ nữ khác bên ngoài, khi về nhà hay cãi nhau chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, bà T đã về nhà sống chung với mẹ ruột tại TP T. Hiện vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm lẫn nhau, ai cũng có cuộc sống riêng cho mình nên bà T xin ly hôn với ông C.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng chung sống cần có sự gần nhau, chia sẻ, đồng cảm, quan tâm chăm sóc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và cùng có trách nhiệm với gia đình, con cái. Trong mối quan hệ vợ chồng của bà T, ông C không còn sự chia sẻ và đồng cảm, không hiểu nhau, không còn tình cảm, không hạnh phúc, thời gian sống ly thân của ông bà đã lâu không thể hàn gắn mối quan hệ vợ chồng được. Hiện bà T, ông C không còn tình cảm với nhau, không thương yêu nhau nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

Ông C không đến Tòa, không có lời trình bày, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa cho ông C, ông C biết nhưng ông không đến Tòa, không có lời trình bày về mối quan hệ vợ chồng của ông và bà T là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Quốc H, sinh năm 2002 và Đỗ Thị Bé Q, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2008. Cháu H đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà T xin nuôi cháu Q, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, có ý kiến đồng ý sống với mẹ của cháu Q nên ghi nhận và giao cháu Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định tại điển a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hà Thị Bé T đối với ông Đỗ Hùng C. Bà Hà Thị Bé T được ly hôn với ông Đỗ Hùng C.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Quốc H, sinh năm 2002 và Đỗ Thị Bé Q, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2008. Cháu H đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Giao cháu Đỗ Thị Bé Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông C được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hà Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008640 ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, chị C1 đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cái Thị Minh Tâm